

ĐỀ TÀI TÌNH YÊU TRONG THƠ VIỆT NAM 1975-1985

Nguyễn Hữu Công

Văn phòng UBND Quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng

Email: congnh@danang.gov.vn

Ngày nhận bài: 8/7/2022; ngày hoàn thành phản biện: 11/7/2022; ngày duyệt đăng: 4/8/2022

TÓM TẮT

Tình yêu là đề tài muôn thuở của văn chương, đặc biệt là thơ ca. Nó trở thành tiêu điểm tình cảm - thẩm mỹ bất tận cho các thi sĩ. Cuộc sống có bao nhiêu gam màu thì tình yêu có bấy nhiêu cung bậc và sắc điệu. Thơ Việt Nam sau năm 1975 có nhu cầu quan tâm nhiều hơn vào đề tài tình yêu, thể hiện tiếng nói giao hòa, yêu thương và dâng hiến thành thật của chính mình trong từng mối quan hệ tương tác và sinh thành của cuộc sống thời bình. Các nhà thơ đã phát huy tối đa cái trôi trũ tình tác giả và cái tôi trữ tình nhập vai trong việc thể hiện tình yêu và lẽ sống của mỗi chủ thể hiện sinh bằng tiếng nói nghệ thuật chân thành và xúc động.

Từ khóa: tình yêu, thơ ca, Việt Nam.

1. MỞ ĐẦU

Yếu tố làm nên thi giới của một nhà thơ hoặc của một giai đoạn thơ ca cụ thể chính là hiện thực đời sống trực tiếp và gián tiếp mà chủ thể sáng tạo sống qua, chiếm lĩnh để hình thành nên thế giới ngôn từ, hình tượng và tư tưởng mang thi pháp riêng, phong cách riêng. Trong quá trình sáng tạo, từ hiện thực trực quan, nhà thơ đã biến chúng thành hình ảnh chủ quan thông qua ấn tượng, trực giác, có cả những ám ảnh tâm linh, vô thức để hình thành nên kiểu tư duy nghệ thuật. Tư duy nghệ thuật dù là hướng ngoại hay hướng nội cũng phải hiện lên thành tình cảm và những ám ảnh hiện sinh của nhà thơ. Tất cả lại được thể hiện thông qua hệ đề tài với cảm hứng thẩm mỹ riêng của cái tôi trữ tình tác giả. Nội dung đời sống sẽ hiện ra qua đề tài với các mối quan hệ đa dạng của nó với từng con người - những chủ thể ý thức cụ thể. Trong bài viết này, chúng tôi đề cập đến đề tài tình yêu trong thơ Việt Nam hậu chiến giai đoạn 1975-1985, để thấy được nhu cầu đổi mới thi ca và nhu cầu thể hiện tình yêu của mỗi chủ thể sáng tạo trong bước ngoặt chuyển mình của cuộc sống từ thời chiến chuyển sang thời bình.

2. NỘI DUNG

2.1. Nhận thức đa chiều về tình yêu và lẽ sống

Đất nước sau bước ngoặt chuyển mình, con người trở về với cuộc sống đời thường, họ có nhu cầu trò chuyện với trái tim mình như một tình cảm bù đắp. Vì vậy, đề tài tình yêu xuất hiện đậm đặc trong thơ. Đặc thù của tình yêu thời chiến gắn với cái ta chung cộng đồng, diễn ra trong hoàn cảnh không bình yên, phẳng lặng, thường thể hiện ở cấp độ và qui mô tâm hồn khát khao chiến công và ý thức đạo đức, tiền tuyến gắn với hậu phương đang ngày đêm thi đua sản xuất, hy vọng, đợi chờ của người ra trận. Đó là tình yêu mang lý tưởng xã hội cao cả, mang nét chung của một thế hệ, một giai đoạn lịch sử chiến đấu hào hùng của dân tộc.

Tình yêu trong thơ giai đoạn hậu chiến là một cõi miền rất riêng tư với các dạng vẻ vĩnh cửu của nó: mất mát, vỡ tan, hòa hợp, hờn giận, có nỗi đau tinh thần, sự trống rỗng vô vọng, có niềm khắc khoải, chênh vênh, day dứt, có cả tin yêu, dự cảm, nồng nàn... Nó phức tạp hơn và trần tục hơn. Tình yêu giờ đây, trong cuộc sống mới, quan hệ mới như một phần không thể thiếu của con người cá nhân, cá thể, mang màu sắc trần thế, trở về đúng bản chất tình yêu: lung linh, mờ ảo, khói sương, giàu sắc thái biểu cảm.

Các nhà thơ trở về từ những cánh rừng đã nhanh chóng nhập cuộc và thích nghi với hoàn cảnh mới. Thanh Thảo, Xuân Quỳnh, Nguyễn Duy, Hữu Thịnh, Anh Ngọc, Lâm Thị Mỹ Dạ, Võ Văn Trực, Trần Mạnh Hào, Thu Bồn, Lê Thị Mây... hợp thành đội hình sáng tạo đồng hành với giọng điệu mới mẻ, bất ngờ, có lúc táo bạo. Họ muốn thể hiện tiếng lòng mình một cách chân thật: *"Và tôi thật là tôi những gì tôi có thật/ Như lòng tôi ở trần/ Cùng với đất vừa cày vỡ"* (Những gì tôi có thật - Nguyễn Trọng Tạo). Tình yêu diễn ra với nhiều cung bậc và sắc thái mới mẻ, nhất là tình yêu của những người lính trở về sau chiến tranh, tìm lại một phần rung động của tâm hồn mà một thời họ tạm thời hy sinh cho những vấn đề lớn lao, trọng đại.

Tâm sự về thơ tình, Nguyễn Trọng Tạo nói: *"Thơ chính là ấn tượng còn lại mãi trong đời tác giả, nó làm anh rung động bởi yêu thương, đau khổ, đắng cay, căm ghét đến nỗi, nếu không viết ra được thì anh sẽ phát điên. Vì vậy, làm thơ cũng chính là một hành động tự giải thoát (...)* Vì thế mà với tôi, thơ là những ám ảnh của tâm hồn" [1, tr.119]. Đặc biệt, trong tình yêu, Nguyễn Trọng Tạo có nhu cầu nói lên tiếng lòng mình chân thành và mãnh liệt: *"Cho thơ tôi được nói lời/ Tình - yêu - tôi gửi tới người - tôi - yêu/ Bởi tôi tin những sớm chiều/ Người không quen... sống rất nhiều cho tôi"* (Thư gửi một người không quen). Từ đó, nhà thơ có nhu cầu được yêu thương, sẻ chia, mang khát vọng giao hòa, nhân ái:

Cho tôi xây những nhịp cầu

Để em chẳng phải sông sâu lụy đò

*Tôi xây phố rộng nhà to
Để em tới ở chẳng chờ đợi lâu
Tôi về đông cạn đông sâu
May ra tát nước chung gầu cùng em...
Như là tôi đã một lần
Nói yêu em dọc mùa xuân hai người*

(Thư gửi một người không quen)

Thế nhưng, trở về sau chiến tranh, gặp lại người yêu đầu đời, người lính không giấu được sự ngỡ ngàng, run rẩy. Tất cả như phải làm lại từ đầu, từ cái nhìn, từ bàn tay nắm, từ nụ hôn nồng ấm cũng trở nên vụng dại, thơ ngây. Chiến tranh đã lấy đi của tuổi trẻ những gì thiêng liêng, cao đẹp nhất. Sự im lặng nhiều khi xót buốt lòng nhau: “Sao người chẳng nói một câu/ Ngây thơ như thuở đã lâu hồi người/ Sao người chẳng đếm sao trời/ Cho tôi sống lại cái thời trẻ con/ Cái thời ngọn cỏ thì non/ Bông hoa như cái chuông con người cầm/ Cái thời giọng hát trong ngần/ Nắm bàn tay để một lần chia tay” (Thơ tình người đứng tuổi). Để cuối cùng, tình yêu ngày gặp lại của người lính bỗng trở thành buổi đầu hò hẹn nơi bờ đê có trăng khuya làm chứng, giọt nước mắt run run xao động như thuở yêu đầu:

*Bây giờ qua buổi chiến tranh
Bây giờ qua tuổi xuân xanh tôi về
Bàn tay người có gầy đi
Run run nước mắt ướt nhòe ngực tôi
Vẫn dòng sông thuở xa xôi
Vẫn bờ đê gió xanh ngời trăng khuya
Vẫn là người của ngày xưa
Và bàn tay nắm như vừa yêu nhau*

(Thơ tình người đứng tuổi)

Lê Thị Mây cũng cùng tâm trạng ngỡ ngàng của hai người yêu gặp lại sau cuộc chiến. Tác giả đã diễn tả rất hay và bất ngờ trạng thái niềm vui tái nhợt như trăng mọc ban ngày của cô gái khi gặp lại người yêu: “Anh khoác ba lô về/ Đất trời đôn chặt lại/ Em tái nhợt niềm vui/ Như trăng mọc ban ngày”. Tình yêu trong nhau giờ trở lại trong mắt, trên môi. Những mùa trăng mong chờ đã chín lại trong vòng tay nồng ấm:

*Gặp nhau tròn mùa trăng
Em trẻ như bầu trời*

Vòng tay anh đầm ấm

Giấu lời ru trên môi

(Những mùa trăng mong chờ - Lê Thị Mây)

Tiếp đến là sự hạnh phúc trong niềm vui ríu rít bạn bè có sức mạnh tái sinh như cây xanh và nắng trời, trở thành bài ca tình yêu, sự sống: “Em sẽ ra đi từ ríu rít bạn bè/ Từ trái tim anh như con chim mùa hạ/ Cây hạnh phúc chín dần dà chùm quả/ Thơm dịu dàng thắm đỏ đôi môi” (Bài ca em chưa hát bao giờ - Lê Thị Mây).

Đề tài tình yêu trong thơ sau năm 1975 thường được các nhà thơ đặt trong quan hệ với quá khứ, với những tháng năm chiến tranh gian khổ, nhưng có ý nghĩa và có tác dụng nâng đỡ tâm hồn con người để họ không ngừng hy vọng và gìn giữ. Sự đối chiếu, nghĩ về quá khứ để thấy sự tái sinh tình yêu trong hiện tại. Bài thơ *Năm năm ta đi* của Hoàng Phủ Ngọc Tường được viết trong cảm thức như thế nên xúc động, nó có khả năng làm sống dậy quá khứ đáng nhớ của tình yêu đặt trong quan hệ với lịch sử và hoàn cảnh thời bấy giờ: “*Chắc bây giờ trên những lối đi xưa/ Dấu giày ta đã động vết rêu mờ / Đã ngủ yên dưới hàng cây im lặng/ Bước ta đi giữa ngày tháng ưu tư// Khi ta nhớ, hương sâu đông đầy ngõ/ Khi ta yêu, phượng thắm dấu môi son/ Thù hận chín giữa phố hè lửa đỏ/ Tình yêu ta cùng mọc giữa cãm hờn//Chào những bầu hoa ngũ sắc ven đường/ Cười sặc sỡ bên khung trời thơ ấu/ Chào già từ con cầu trắng đêm sương/Ta đi qua giữa tâm hồn giông bão// Thành phố tắm đời ta trong sắc biếc/ Nên cỏ hoa mang đây dấu tâm hồn/ Máu đã viết nên nghìn trang sử đẹp/ Nuôi đời ta khôn lớn giữa đời dân*”. Viết về tình yêu riêng tư, nhưng tác giả kết hợp được với cái chung bằng giọng điệu giải bày, chiêm nghiệm sâu sắc. Cũng có khi, nhà thơ thấy được sự giận hờn trong mất mát, tình yêu lúc đó, lại có thêm ý nghĩa hiện sinh và kinh nghiệm buồn: “*Trên kỷ niệm giận hờn/ Có ngôi sao chiều tím/ Là môi em cúi xuống/ Trên mình anh vết thương*” kéo dài ra như những lời tự thoại trong đêm: “*Có buổi chiều nào mộng mị vây quanh/ Nửa vành mi cong hờn dối/ Em xoa muện sâu trên gôi/ Rồi bờ như mớ tơ xanh*” (Dạ khúc). Để rồi tiếp theo là sự chờ mong với điệp khúc buồn:

Thôi em cảm tạ chờ mong

Ngày anh đi hái phù dung chưa về

Đêm qua hương đã tàn mê

Mây ai còn dấu trăng thề như in

(Đêm qua)

Tình yêu được nhận thức trong nhiều mối quan hệ: tin yêu, vun đắp trong yêu thương, tình nghĩa, có khi là sự xoa dịu nỗi đau trong quá khứ để được bù đắp trong hiện tại. Những trách nhiệm và yêu thương phải được bắt đầu từ những gì bình thường, nhỏ nhất nhất nhưng lại có sức quyến rũ, rút gần khoảng cách của yêu tin.

Xuân Quỳnh là người đàn bà yêu và làm thơ theo nghĩa nhân bản ấy, nên thơ bà có sức nội cảm hóa trong lòng người sâu đậm, mang vị mặn nhân sinh thông qua đôi bàn tay yêu thương, nồng ấm, tin yêu, dâng hiến cả cuộc đời:

*Trong tay anh, tay của em đây
Biết lặng lẽ vun trồng gìn giữ...
Em nhẹ nhàng xoa dịu nỗi đau
Và góp nhặt niềm vui từ mọi ngả
Khi anh vắng bàn tay em biết nhớ
Lấy thời gian đan thành áo mong chờ
Lấy thời gian em viết những dòng thơ
Để thấy được chúng mình không cách trở...
Bàn tay em, gia tài bé nhỏ
Em trao anh cùng với cuộc đời em*

(Bàn tay em - Xuân Quỳnh)

Tình yêu có khả năng mở ra những biếc xanh, bỏ ngõ trong khát vọng giao hòa với thiên nhiên, tạo vật: “Một sớm mai bỗng thơm gió hanh về/ Tiếng lá rụng ngoài vườn cây xào xạc/ Em mở cửa, hương lửa vào man mác/ Anh bàng hoàng tỉnh dậy: đã mùa thu” (Vườn thu - Võ Văn Trục). Ở đó, con người sống thật với lòng mình trong từng cảm giác, có khi là những giận hờn và hạnh phúc đời thường: “Anh yêu ơi, hãy tha lỗi cho em/ Nếu đôi lúc giận hờn anh vô cớ/ Những bức dọc trong ngày vất vả/ Làm anh buồn mà em có vui đâu/ Chỉ riêng điều được sống cùng nhau/ Niềm sung sướng với em là lớn nhất/ Trái tim nhỏ nằm trong lồng ngực/ Giây phút nào tim đập chẳng vì anh” (Chỉ có sóng và em - Xuân Quỳnh)

Điểm khác biệt của thơ tình giai đoạn 1975 - 1985 so với giai đoạn trước (1930 - 1945) không chỉ dừng lại ở sự tán tỉnh, ca ngợi và thưởng thức, trái lại, cái được khẳng định của thơ tình thời này là ở chỗ cái tôi cá nhân trở nên rất cứng cỏi và mạnh mẽ, đam mê mà không bi lụy:

*Anh hững hờ suốt cả mùa thu
Để giọt mưa em giữa trời tan tác
Giọt mưa em lẻ bạn
Tan giữa trời mùa thu
Vì thế, anh ơi vì thế
Giọt mưa em đã mãi xa rồi*

Chỉ tiếc cho mùa thu buồn tẻ
Anh xòe tay chơi vơi
Giọt mưa em đã mãi xa rồi
Dẫu bây giờ anh xòe tay đón đợi
Giọt mưa đã tan rồi - anh làm sao giữ nổi

(Mưa mùa thu - Nghiêm Thị Hằng)

Liên hệ trong quan hệ quá khứ để hiểu hiện tại và tương lai, các nhà thơ có cái nhìn đa chiều về tình yêu và cuộc sống để mọi khát vọng thương yêu đều nằm sâu trong đáy thăm tâm hồn. Nổi oan Thị Màu cũng có tác dụng đánh thức những vấn đề thuộc về đạo đức trong cuộc sống hôm nay:

Những khát vọng nằm sâu trong mỗi trái tim người
Được sống đúng với lòng mình thực chất
Những xiềng xích phết màu sơn đạo đức
Mấy trăm năm không khóa nổi Thị Màu

Những cánh màn đã khép lại đằng sau
Táo vẫn rưng sần đình không ai nhặt
Bao Thị Màu đã trở về đời thực
Vị táo còn chua mãi ở đâu môi

(Thị Màu - Anh Ngọc)

Nếu trước đây nhân vật nữ trong thơ tình thường bị động, ít thể hiện tình cảm của mình, thì giờ đây, họ công khai, mạnh mẽ, dám chịu trách nhiệm, thừa nhận những lỗi lầm, mất mát, đau khổ, kể cả những điều trước đây kiêng kỵ không dám nói: “em nhận ra/ chúng ta giống nhau quá đỗi/ cùng hững hờ/ cũng khinh khi.../ em nhận ra tất cả sự khô hời của mình/ khi phơi bày trước anh/ niềm hi vọng thanh cao/ huyền ảo/ tội nghiệp em/ tội nghiệp em/ trần trụi lòng người thế mà mãi một thời em cứ làm chú nai ngơ ngác/ thần thánh tình yêu!! thần thánh tâm hồn!! và em chợt thương những người phụ nữ suốt đời chung thủy/ suốt đời vui hân trong những kỉ niệm/ ngộ thiêng liêng/ ôi những người phụ nữ không biết quay lưng/ sẽ không bao giờ/ không bao giờ nhận ra hết những ngõ ngách bạc bẽo trong trái tim lạnh lùng phản bội” (Trần trụi tình yêu - Đình Thị Thu Vân).

Và táo bạo, người phụ nữ khi yêu, họ không ngần ngại đóng vai người chủ động trong tình cảm để trang trải mọi vui buồn, ngò vức, tin yêu:

Dùng giấu em anh có một trái tim biết khóc

Một trái tim khao khát vô về

Trái tim non, trái tim mềm quá thế

Trước em mà sao nỡ giấu che đi

Anh giấu em, em nhâm lẫn thì sao

Ai che giấu quăng đời riêng gió bão

Anh yêu dấu khép làm chi cánh cửa

Ngõ đời anh em đứng đợi lâu rồi

(Chưa biết - Đinh Thị Thu Vân)

Như vậy, tình yêu trong thơ Việt Nam sau năm 1975 đã thực sự trở thành nhu cầu thổ lộ của trái tim mọi người được các nhà thơ nói hộ bằng cảm xúc và tâm trạng có thực của lòng mình, thông qua những kinh nghiệm quan hệ của chính từng nhà thơ, cũng có khi xuất phát từ cái tôi trữ tình nhập vai để đồng cảm và chia sẻ.

2.2. Cảm hứng giao hòa, yêu thương và dâng hiến

Tình yêu trong thơ sau năm 1975 trở thành một chủ đề lớn, thể hiện tập trung nhất các sắc thái tình cảm của con người cá nhân trong nhu cầu và bối cảnh riêng với hàng số tâm lý khác trước đây trong chiến tranh. Cảm hứng giao hòa, yêu thương và dâng hiến trở thành âm hưởng chính, phản ánh tính đa dạng và đa sắc thái của tình yêu theo nhu cầu của thời họ sống.

Khác với thơ giai đoạn trước, thơ thời kì hậu chiến đã dần lấy đặc tính trữ tình làm nguyên tắc tổ chức bài thơ, lấy sự vận động không ngừng của dòng ý thức, sự vận động của nội tâm của chủ thể trữ tình làm trung tâm thể hiện tình cảm. Tâm vóc mới của cái tôi tự biểu hiện đã tạo nên thế giới trữ tình mới mẻ trong thơ. Nó có sức hấp dẫn và khả năng nói lên sự thật, nhu cầu thể hiện sức sống mãnh liệt của những trái tim yêu. Chính vì vậy, thơ tình yêu của thời kì này vừa trữ tình vừa lãng mạn, vừa mang vẻ đẹp đời thường vừa mang tính chiêm nghiệm, triết lý sâu sắc, hấp dẫn.

Trước hết, tình yêu phản ánh trạng thái mãnh liệt và da diết. Họ bày tỏ và khẳng định những khao khát trong tình yêu:

Em trở về đúng nghĩa trái - tim - em

Biết khao khát những điều anh mơ ước

Biết xúc động qua nhiều nhận thức

Biết yêu anh và biết được anh yêu

*Em trở về đúng nghĩa trái - tim - em
Biết làm sống những hồng cầu đã chết
Biết lấy lại những gì đã mất
Biết rút gần khoảng cách của yêu tin
(Tự hát - Xuân Quỳnh)*

Chính vì vậy mà với những gì có được, con người sẽ chân thành dâng tặng tình yêu. Chỉ có lòng chân thành và sự yêu thương mới cứu rỗi được tình cảm và nhân đạo hóa tình yêu: “Em không có đến bức màn/ Để che nắng gió cho anh tháng ngày/ Gia tài chỉ có bàn tay/ Đường gân xanh, vết chai dày từ xưa/ Gia tài chỉ có bài thơ/ Bao năm viết để bày giờ tặng anh” (Thơ viết tặng anh - Xuân Quỳnh). Khi yêu, con người luôn có khát khao dâng hiến cả tinh thần và vật chất, kết thành nỗi đợi chờ, thương nhớ. Nếu chiếc khăn ngày xưa trong ca dao là vật để tỏ tình và trao gửi, thì ngày nay, mọi thứ khác cũng trở thành vật chứng để lưu giữ những ngọt ngào thương nhớ trong nhau:

*Áo đã cùng em qua chiến tranh
Nắng mưa chỉ muốn chịu riêng mình
Ngắm áo, em trách tay vụng quá
Giặt thế nào không xóa nếp nhăn
Ôi áo sinh ra chỉ biết chiều
Sinh ra chỉ biết tặng tình yêu
Thương áo mấy, vẫn ngò chưa đủ
Ngỡ thương anh còn thiếu bao nhiêu
(Áo người yêu - Đinh Thị Thu Vân)*

Đối diện với nỗi bất hạnh của chính mình, về nỗi lỡ duyên, lỡ thì: “Anh hững hờ suốt cả mùa thu” (Nghiêm Thị Hằng), “Lỡ một thì con gái” (Đoàn Thị Lam Luyến), người con gái trong thơ Nguyễn Thị Hồng Ngát không ngần ngại nói lên tiếng nói tình yêu của một người đàn bà đã từng làm mẹ một cách dứt khoát để xóa mọi nghi ngờ: “Sao không phải là cô gái trắng trong/ Hát với tình yêu ban đầu mới mẻ?/ Người đàn bà đang yêu kia đã từng là mẹ/ Đã từng bị bỏ rơi và từng bị dối lừa” (Người đàn bà đang yêu - Nguyễn Thị Hồng Ngát).

Tình yêu trong thơ nữ, nhiều lúc ngang trái và bất toàn hơn, nhưng tất cả đều rất thực được các nhà thơ thể hiện thành các trạng thái và cảm xúc điển hình mà nói như Lâm Thị Mỹ Dạ là tình yêu không có ở trong mình trước, “tình yêu bắt đầu từ cuộc sống, cuộc sống cho tôi tình yêu” đa dạng và phức tạp. Nhiều khi, đó là sự tự mình đánh mất: “Bong bóng vỡ đây tay, bong bóng coi đây mắt/ Mảnh hồn nào em đánh mất

vì anh" (Đinh Thị Thu Vân), có khi là sự tự thú: "Rời từ nơi ấy em đi, mong những tháng ngày góa bụa đời anh" (Thuận Vi), có lúc là đau khổ dày vò:

Ôi giá như em có được trái tim hò
 Không biết gọi, không một lần biết nhớ
 Không biết đợi anh về sau cánh cửa
 Không biết nhói lòng khi nhận thoáng thờ ơ
 Nhói lòng đi cho đau xé mẩn yêu thừa
 Đau cho hết ôi ước gì được hết
 Đau cho cả những gì đang vội đến
 Đau trọn một lần mai khỏi đón đau thêm

(Ngày xa anh - Đinh Thị Thu Vân)

Nhu cầu tự thoại, tự bạch với trái tim mình trong thơ Đinh Thị Thu Vân là có thật: "trong trái tim em có một chiếc hôn buồn/ không mang sắc hồng của tình yêu/ không mang sắc xanh của tình bạn/ hình như chiếc hôn em lại mang màu tím lạnh/ giây phút này em muốn tặng cho anh!/ một nửa xanh/ một nửa hồng/ em pha thành màu tím lạnh/ để chiếc hôn/ bên bĩ/ dạt dào/ bên hơn tình yêu/ ấm hơn tình bạn/ như chiếc hôn nào/ em đã nhận/ từ anh" (Chiếc hôn tím - Đinh Thị Thu Vân).

Hay có khi là sự cứng cỏi, thần nhiên trong ứng xử trước cảnh chồng chị chồng em của Đoàn Thị Lam Luyến: "Thần nhiên chị môi tình đâu/ Thần nhiên em nhận bã trầu về tằm" hoặc thái độ chấp nhận trong Tự do và ràng buộc của Nguyễn Thị Hồng Ngát, hoặc sự ý thức được tình thế như nó đang tồn tại với thái độ dịu dàng đầy kiêu hãnh trong thơ của Phạm Thu Yển, Đỗ Bạch Mai. Có khi đó là sự thật kéo dài ra trong xa cách: "Yêu anh trong xa cách/ em hóa đá vọng người đi biên biệt/ bỏ hoang trái tim đắm đuối mộng mơ/ bỏ quên eo lưng con gái" (Những mùa xuân ẩn khuất - Lê Khánh Mai). Bởi vì: "Mang thân đàn bà phận lá/ nào ai lường hết nỗi tình/ đã đau đến thành sỏi đá/ thì thôi mình thương lấy mình" (Bạn gái - Lê Khánh Mai).

Lê Thị Mây lại nghĩ về đôi mắt của chàng trai hút hồn mình theo năm tháng để đến bây giờ trái tim còn rung nhịp yêu thương, bao dung và tin cậy:

Chỉ riêng anh riêng đôi mắt ấy
 Nói cùng em về năm tháng đời em
 Và nghe nhịp trái tim anh run rẩy

 Mắt anh nói khi mặt trời thức dậy

Em dịu hiền mạnh mẽ nhường bao

Anh che chở em ngả đầu tin cậy

(Mắt anh - Lê Thị Mây)

Có thể nói, đề tài tình yêu trong thơ nữ giai đoạn 1975 - 1985 khác với tình yêu trong thơ nam ở sự thủy chung, chịu đựng, có khi là những đổ vỡ trong tin yêu, độ lượng. Chính điều đó đã giúp họ trở về với con người đa dạng, phức tạp cùng thế giới nội tâm sâu thẳm đầy thiên tính nữ của mình. Hình tượng người phụ nữ nay lại được khai thác trên những khía cạnh nhân bản với những đặc tính: si mê, đa mang, đại khò, khát khao hạnh phúc, chịu đựng... với nhiều cung bậc trong tình yêu: vui sướng, hạnh phúc, mất mát, tan vỡ, hòa hợp, giận hờn, đau đớn, vô vọng, chênh vênh, day dứt... Chính vì thế, tình yêu cũng phức tạp và trần tục hơn, đời thường hơn.

Trong khi đó, tình yêu trong thơ những nhà thơ nam lại mạnh mẽ, đa cung bậc và quyết đoán, tự tin hơn, nhưng điểm gặp nhau cuối cùng của tình yêu trong thơ nam và nữ đều mang khát vọng tin yêu, hòa hợp. Hoàng Hữu đã nói rất hay về tình yêu trong xa cách có vầng trăng làm chứng: *"Tình cò anh gặp lại vầng trăng/ Một nửa vầng trăng thôi! Một nửa/ Trăng vẫn đấy mà em xa quá/ Nơi cuối trời em có ngóng trăng lên?"*. Nhưng rồi như vầng trăng kia, tình yêu lại tròn đầy trong khát vọng nhân ái, viên mãn qua sự hòa hợp, tròn đầy của hai nửa vầng trăng:

Đến bây giờ trăng vẫn cứ còn xanh

Cứ một nửa, như đời anh, một nửa

Nhưng trăng sẽ tròn đầy, trăng sẽ...

Trăng viên mãn cuối trời đêm đêm em có nhớ

Mặt trăng từng khuất nửa ở trong nhau?

(Hai nửa vầng trăng - Hoàng Hữu)

Tình yêu trong thơ Nguyễn Duy lại trong veo như nước và mát lành như ngọn gió: *"Sông Thao thêm một lần tôi tắm/ thêm một lần tôi đến để rồi đi/ gió cứ thổi trống không ngoài bãi vắng/ tôi nhìn em để không nói năng gì"*. Thế mà nặng sâu, quyến rũ. Gặp gỡ, chia ly nhưng khát vọng giao hòa lại hiện lên sau biết bao luyến thương, yêu mến: *"Tôi gửi lại đây cái buồn vô có/ để mang về cái nhớ băng quơ"*. Và điều còn lại là sự tin yêu, hòa hợp của hai tâm hồn đang hướng về nhau:

Em đưa tiễn bước chân gìn giữ lắm

hạt mưa dùng dằng ngọn cỏ ven đê

yêu mến ă xin đừng buồn em nhé

giòng nước trôi đi, giọt nước lại rơi về...

(Sông Thao - Nguyễn Duy)

Trong thơ Vũ Quần Phương, tình yêu mang sắc thái lãng mạn, quyến rũ qua hình tượng người con gái áo đỏ rực hồng đi giữa phố đông, khiến cả hàng cây như cũng hồng theo màu áo: *"Áo đỏ em đi trong phố đông/ Cây xanh như cũng ánh theo hồng/ Em đi lửa cháy trong bao mắt/ Anh đứng thành tro em biết không?"* (Áo đỏ). Để cuối cùng *"Tình yêu biến anh thành hạt cát/ Gánh một niềm sa mạc chờ em"* (Vũ Quần Phương). Phải nói rằng, nên thơ và có sức hòa hợp, thanh lọc.

Tình yêu trong thơ Hoàng Phủ Ngọc Tường cũng mang dáng dấp kỳ bí, lung linh tình sử, có sức lan tỏa, chan hòa cùng núi sông, hoa cỏ: *"Tôi về ngủ dưới vầng trăng/ Có em từ chỗ vĩnh hằng nhìn tôi/ Tình xa, xa mãi trong đời/ Tóc xanh tiên nữ rơi bời trên tay/ Tôi còn ngọn nến hao gầy/ Chảy như nước mắt từ ngày sơ sinh/ Tôi xin em chút lòng thành/ Cài lên một phiến u tình làm hoa"*. Để cuối cùng, còn đây một chàng trai ngồi dáng người thượng cổ, nhìn cây sầu đông đang trở màu hoa trắng nhớ thương:

Nhà tôi ở phố Đạm Tiên

Dưới dòng nước chảy bên trên có cầu

Cây sầu đông, cây sầu đau

Thương tôi cây cũng trở màu hoa râm

(Địa chỉ buồn)

Thơ tình phái nam có thêm cảm thức hoài vãng, liên hệ với những năm tháng chiến tranh để làm sống lại không khí ra trận thời quá khứ *"Nhớ thời trong buổi tiễn đưa/ Tiếng bom lẫn tiếng sấm mưa cuối ngày/ Từ trên vạt cỏ xanh này/ Nụ hôn cùng với vết giày đi xa"* để *"Bây giờ tôi lại đến đây/ Đi tìm em của những ngày chiến tranh/ Tìm trên vạt cỏ xanh này/ Có dăm vỏ lạc yên lành nằm mơ"*. Chỉ có cách đồng hiện quá khứ trong hiện tại như thế, tình yêu mới da diết và có ý nghĩa trong liên hệ với nhân sinh:

Bao người lại đến bây giờ

Để ngồi lên cỏ sững sờ mê say

Em ơi mỗi cuộc đời này

Nụ hôn cùng với vết giày mãi in.

(Mùa hè trên vạt cỏ - Nguyễn Quang Thiều)

Hữu Thỉnh cũng liên hệ tình yêu trong sự giao hòa với thiên nhiên cỏ cây, hoa trái giữa mùa xuân xanh biếc: *"Con chim xanh mê trái lựu trước vườn/ Mùa hạ trôi qua từ ngày chim trốn tiếng/ Em ở đâu? Cây thưa và bến rộng/ Rượu nào cho người nhớ, áo nào cho"*

người xa". Chính giữa cỏ cây, hoa trái ấy, tình yêu mới tươi xanh và chan hòa cùng cảnh vật:

*Cả khu vườn cũng vừa trở lại
Kịp làm nên tháng giêng
Những mầm cây riu rít nói về em
Em đỏ thắm một mình đi giữa lá...
Sau vết bông chiếc hôn đầu ngày ấy
Ở cuối vườn có một nụ mầm xuân.*

(Trở lại mùa xuân - Hữu Thỉnh)

Phùng Khắc Bắc cũng liên hệ tình yêu với cảnh vật quê hương thời chiến tranh so tán: "Nhưng cái nhìn của em vọng từ xa lặng/ Để chỉ mình anh được ngắm em nhiều". Và anh liên tưởng đến người yêu trong sự đối sánh giữa con người và thiên nhiên sinh động:

*Hai trái đôi quê hương như hai vú người thương
Vòng lên trên cánh đồng lúa quê hương đương thì con gái
Gió hè mát và màu gió xanh như màu lúa vậy
Ngực cánh đồng chắn khoẻ thơm hương trinh trắng dậy thì.*

*Hai trái đôi là hai trái vú
Anh đã lớn lên bằng những dòng sữa thơm ngọt từ đây
Đậu, sắn, ngô, khoai có cả màu hoa sim tím.*

(Ra đi - Phùng Khắc Bắc)

Có thể nói rằng đề tài tình yêu trong thơ Việt Nam 1975 - 1985 trở thành một trong những đề tài chính làm nên chất thơ trẻ trung, sôi động, cân bằng giữa hùng ca và tình ca, khiến cho cái nhìn hiện thực và con người được cân bằng trở lại sau bao nhiêu năm thơ ưu tiên dành cho âm hưởng tình yêu thời chiến mang tính sử thi, hoành tráng. Thơ tình yêu giờ đây hài hòa lại trong nhịp điệu chan hòa, ân nghĩa, phù hợp với nhu cầu quay về trò chuyện với trái tim, phù hợp với hằng số tâm lý của con người cá nhân cá thể thời hậu chiến thích hát ca, tự tình và hy vọng.

3. KẾT LUẬN

Với sự kiện Đại thắng mùa Xuân năm 1975, đất nước Việt Nam thống nhất, hiện thực cuộc sống và con người đã chuyển sang trang sử mới. Thi ca đã nhanh chóng nắm bắt và chiếm lĩnh bước ngoặt chuyển mình quan trọng này của xã hội nên sớm thay đổi cách nhìn, cách tư duy nghệ thuật trong ý thức sáng tạo của mỗi tác giả. Các nhà thơ đã từ giọng cao chuyển sang giọng trầm, từ cách nhìn hướng ngoại có tính chất sử thi đã vươn đến cái nhìn hướng nội có tính đời tư, kịp thời phát hiện ra con người cá nhân với tính chất phức tạp và đa dạng của cuộc sống thời bình. Từ đó, thi ca có nhu cầu đổi mới mạnh mẽ. Vì thế, đề tài tình yêu xuất hiện đa dạng, sinh động trong thơ giai đoạn này chính là nhu cầu bù đắp cho những so le trước đó để tạo ra sự tích hợp nghệ thuật và thi pháp mới mẻ, hài hòa. Sự vận động của hình tượng cái tôi trữ tình trong thơ sau năm 1975 về đề tài tình yêu đã làm xuất hiện những cung bậc cảm xúc day dứt. Có thể nói, hình tượng cái tôi trữ tình trong thơ tình yêu 1975 - 1985 đã đi trọn hành trình buồn vui ân nghĩa quanh đời, làm nên tiếng nói yêu thương, triết mỹ đời thường nhưng thấm sâu, day dứt của mỗi nhà thơ, có khả năng nội cảm hóa sâu sắc trong lòng người đọc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Hồ Thế Hà (2018), *Thơ Việt Nam hiện đại thi luận và chân dung*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội.
- [2]. Mã Giang Lân, Hồ Thế Hà (1993), *Sức bên của thơ*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội.
- [3]. Phong Lê, Vũ Văn Sỹ, Bích Thu, Lưu Khánh Thơ (2002), *Thơ Việt Nam hiện đại*, NXB Lao động, Hà Nội.
- [4]. Nguyễn Văn Long (2009), *Văn học Việt Nam sau 1975 - Những vấn đề nghiên cứu và giảng dạy trong nhà trường*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

THE LOVE THEME IN VIETNAMESE POETRY 1975-1985

Nguyen Huu Cong

Office of the People's Committee, Thanh Khe District, Da Nang City

Email: congnh@danang.gov.vn

ABSTRACT

Love is eternal topic of literature, especially poetry. It has become the focal point of emotion and endless aesthetic for the poets. How many colors love has that how much tones and emotional levels love has. The Vietnamese poetry after 1975 paid more attention to the topic of love, expressed the voice of harmony, love and sincere dedication in each interaction and birth of peacetime life. Poets have maximized the author's lyrical ego and the role-playing lyrical ego in expressing the love and life reason for each existential cardholder's life by sincere and moving artistic voice.

Keywords: love, poetry, Vietnam.



Nguyễn Hữu Công sinh ngày 15/02/1983 tại Quảng Nam. Ông nhận bằng cử nhân năm 2006, bằng thạc sỹ năm 2009 tại Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng. Hiện nay, ông đang công tác tại Ủy ban nhân dân quận Thanh Khê, Đà Nẵng; đang là nghiên cứu sinh Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

Lĩnh vực nghiên cứu: Văn học Việt Nam hiện đại.